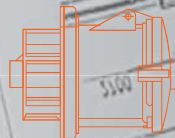
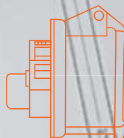
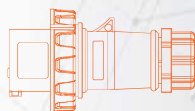
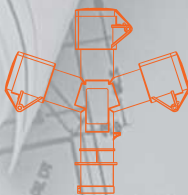
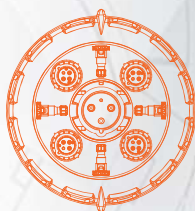


nanoco

Ổ CẮM & PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP



www.nanoco.com.vn

1900 67 11



PHÍCH CẮM DI ĐỘNG LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) PLUG (IP44)



VỊ TRÍ CỰC HỖI ĐẮT



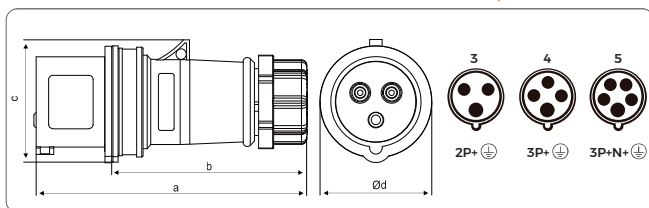
MỨC ĐỘ BẢO VỆ



BẬT VÍT



CHẤT LIỆU



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIP013-6ECO	16	3	200-250	1.5-4
NIP014-6		4	380-415	
NIP015-6		5	220/380-240/415	
NIP023-6	32	3	200-250	2.5-10
NIP024-6		4	380-415	
NIP025-6		5	220/380-240/415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	130.5	135.5	140.5	157.5	157.5	167.5
b	94	99	104	112	112	122
c	59	67.5	75.8	81	81	89
d	54	60	68	71.3	71.3	77.8

PHÍCH CẮM DI ĐỘNG LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) PLUG (IP67)



VỊ TRÍ CỰC HỖI ĐẮT



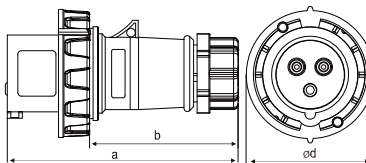
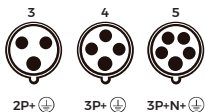
MỨC ĐỘ BẢO VỆ



BẬT VÍT



CHẤT LIỆU



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIP0132-6	16	3	200-250	1.5 - 4
NIP0142-6		4	380-415	
NIP0152-6		5	220/380-240/415	
NIP0232-6	32	3	200-250	2.5 - 10
NIP0242-6		4	380-415	
NIP0252-6		5	220/380-240/415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	130.5	135.5	140.5	157.5	157.5	167.5
b	84	89	94	104	104	114
d	72.3	78	87	93	93	100



PHÍCH CẮM DI ĐỘNG LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) PLUG (IP67)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI BẬT



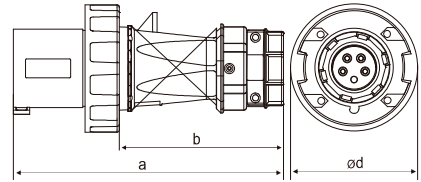
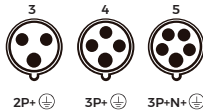
MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC
NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIP033-6	63	3	200 - 250	6 - 25
NIP034-6		4	380 - 415	
NIP035-6		5	220/ 380 - 240/ 415	
NIP043-6	125	3	200 - 250	25 - 70
NIP044-6		4	380 - 415	
NIP045-6		5	220/ 380 - 240/ 415	

Kích thước						
A	63			125		
P	3	4	5	3	4	5
a	238.3	238.3	238.3	291.1	291.1	291.1
b	155.3	155.3	155.3	210	210	210
d	112.2	112.2	112.2	131	131	131

Ổ CẮM NỐI LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) CONNECTOR (IP44)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI BẬT



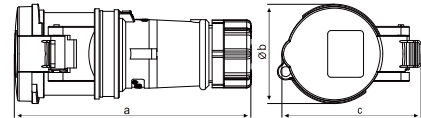
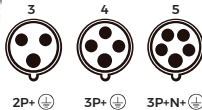
MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC
NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS213-6ECO	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS214-6	16	4	380 - 415	
NIS215-6	16	5	220/ 380 - 240/ 415	
NIS223-6	32	3	200 - 250	2.5 - 10
NIS224-6	32	4	380 - 415	
NIS225-6	32	5	220/ 380 - 240/ 415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	141.9	146.9	149.5	170.2	170.2	183.5
b	59.5	67.5	75.5	81.5	81.5	88.5
c	83.5	90	96.5	102.5	102.5	109.5



Ổ CẮM NỔI LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) CONNECTOR (IP67)



VỊ TRÍ CỰC NỔI DẪT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



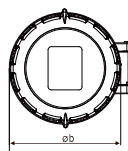
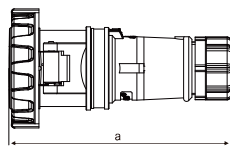
2P+ ⊕



3P+ ⊕



3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS2132-6	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS2142-6		4	380 - 415	
NIS2152-6		5	220/ 380 - 240/ 415	
NIS2232-6	32	3	200 - 250	2.5 - 10
NIS2242-6		4	380 - 415	
NIS2252-6		5	220/ 380 - 240/ 415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	144	149	154	170.4	170.4	183.6
b	72.3	78	87	93	93	100
c	81.2	87	94.5	100.5	100.5	107

Ổ CẮM NỔI LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) CONNECTOR (IP67)



VỊ TRÍ CỰC NỔI DẪT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



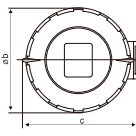
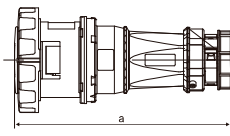
2P+ ⊕



3P+ ⊕



3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS233-6	63	3	200 - 250	6 - 25
NIS234-6		4	380 - 415	
NIS235-6		5	220/ 380 - 240/ 415	

Kích thước			
A	63		
P	3	4	5
a	270	270	270
b	113	113	113
c	123	123	123



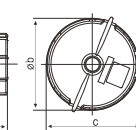
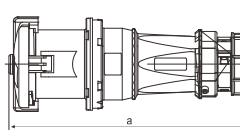
2P+ ⊕



3P+ ⊕



3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS243-6	125	3	200 - 250	25 - 70
NIS244-6		4	380 - 415	
NIS245-6		5	220/ 380 - 240/ 415	

Kích thước			
A	125		
P	3	4	5
a	310	310	310
b	125	125	125
c	135	135	135

Ổ CẮM GẮN NỎI LOẠI KÍN NƯỚC (IP67) WALL SOCKET (IP67)



VỊ TRÍ CỰC NỔI ĐẤT



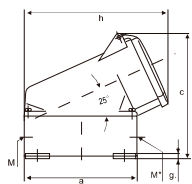
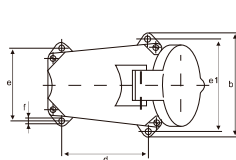
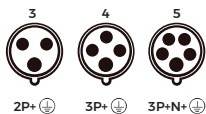
MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỔ ĐẦY

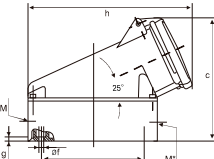
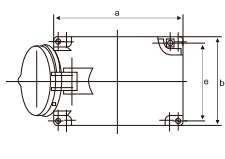
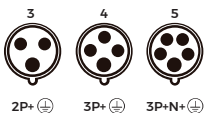


CHẤT LIỆU



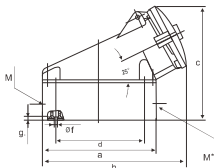
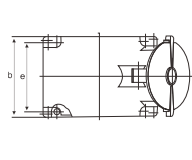
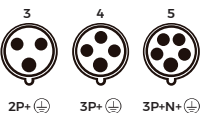
Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS1132-6	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS1142-6		4	380 - 415	
NIS1152-6		5	220/380 - 240/415	
NIS1232-6	32	3	200 - 250	2.5 - 10
NIS1242-6		4	380 - 415	
NIS1252-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	95	95	95	120	120	120
b	102	102	102	112	112	112
c	115	124	129	143	143	150
d	64.2	64.2	64.2	90.2	90.2	90.2
e	77.5	77.5	77.5	79	79	79
f	88	88	88	98.5	98.5	98.5
g	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5
h	5	5	5	5	5	5
i	128	128	132	160	160	160
j	25	25	25	32	32	32
M*	2xM40	2xM40	2xM40	2xM40	2xM40	2xM40



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS133-6	63	3	200 - 250	6 - 25
NIS134-6		4	380 - 415	
NIS135-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước			
A	63		
P	3	4	5
a	170	170	170
b	118	118	118
c	171	171	171
d	134.5	134.5	134.5
e	103	103	103
f	6.1	6.1	6.1
g	6	6	6
h	216	216	216
i	40	40	40
M*	2xM40	2xM40	2xM40



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS143-6	125	3	200 - 250	25 - 70
NIS144-6		4	380 - 415	
NIS145-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước			
A	125		
P	3	4	5
a	264	264	264
b	163	163	163
c	203	203	203
d	240	240	240
e	140	140	140
f	8.1	8.1	8.1
g	8	8	8
h	313	313	313
i	50	50	50
M*	50	50	50



Ổ CẮM CẮN ÂM LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC DẠNG THẲNG (IP44) FLANGED SOCKET STRAIGHT (IP44)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI BẬT



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC
NỔI DẬY



CHẤT LIỆU
PLASTIC



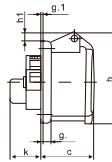
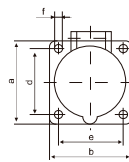
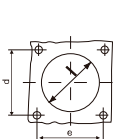
2P+ ⊕



3P+ ⊕



3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm²)
NIS313-6	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS314-6		4	380 - 415	
NIS315-6		5	220/380 - 240/415	
NIS323-6	32	3	200 - 250	2.5 - 10
NIS324-6		4	380 - 415	
NIS325-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	75	75	75	85	85	85
b	75	75	75	75	75	75
c	54	54	54	64	64	64
d	60	60	60	60	60	60
e	60	60	60	60	60	60
f	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5
g	8	8	8	8	8	8
g.1	2	2	2	2	2	2
h	68	77	85	89	89	95
h.1	1	5	9	12	12	12
k	28	28	28	32	32	32
l	50	54	57	62	62	62

Ổ CẮM ÂM LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC DẠNG NGHIÊNG (IP44) FLANGED SOCKET SLOPING (IP44)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI BẬT



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC
NỔI DẬY



CHẤT LIỆU
PLASTIC



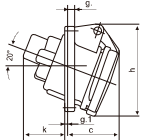
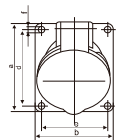
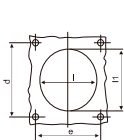
2P+ ⊕



3P+ ⊕



3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm²)
NIS413-6	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS414-6		4	380 - 415	
NIS415-6		5	220/380 - 240/415	
NIS423-6	32	3	200 - 250	2.5 - 10
NIS424-6		4	380 - 415	
NIS425-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước						
A	16			32		
P	3	4	5	3	4	5
a	73.5	100	100	100	100	100
b	64	92	92	92	92	92
c	52	58	58	62	62	62
d	60	85	85	85	85	85
e	52	77	77	77	77	77
f	5.3	5.3	5.3	5.3	5.3	5.3
g	7	8	8	8	8	8
g.1	2	2	2	2	2	2
h	79	105	105	107	107	112
k	41	41	41	51	51	52
l	52	60	65	70	70	73
l.1	60	65	72	82	82	86



Ổ CẮM ÂM LOẠI KÍN NƯỚC DẠNG THẲNG (IP67) FLANGED SOCKET STRAIGHT (IP67)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI DẬY



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC
NỔI DẬY



CHẤT LIỆU
PLASTIC



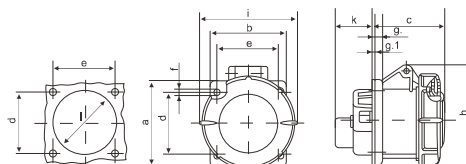
2P+ ⊕



3P+ ⊕



3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS3132-6	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS3142-6		4	380 - 415	
NIS3152-6	32	5	220/380 - 240/415	2.5 - 10
NIS3232-6		3	200 - 250	
NIS3242-6	63	4	380 - 415	6 - 25
NIS3252-6		5	220/380 - 240/415	
NIS333-6	63	3	200 - 250	6 - 25
NIS334-6		4	380 - 415	
NIS335-6	63	5	220/380 - 240/415	

Kích thước									
A	16			32			63		
P	3	4	5	3	4	5	3	4	5
a	75	75	75	85	85	85	107	107	107
b	75	75	75	75	75	75	100	100	100
c	60	61	61	70	70	70	84	84	84
d	60	60	60	60	60	60	85	85	85
e	60	60	60	60	60	60	77	77	77
f	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	6.5	6.5	6.5
g	8	8	8	8	8	8	12	12	12
g.1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
h	83	88	95	99	99	105	113	113	113
i	78	85	96	103	103	110	118	118	118
k	30	30	30	38	38	38	55	55	55
l	50	54	57	62	62	65	94	94	94

Ổ CẮM ÂM LOẠI KÍN NƯỚC DẠNG THẲNG (IP67) FLANGED SOCKET STRAIGHT (IP67)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI DẬY



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC
NỔI DẬY



CHẤT LIỆU
PLASTIC



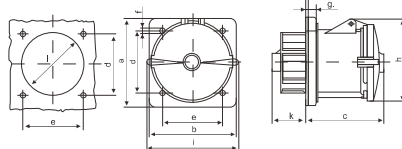
2P+ ⊕



3P+ ⊕



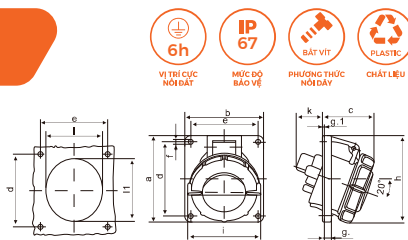
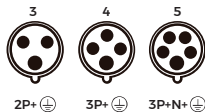
3P+N+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS343-6	125	3	200 - 250	25 - 70
NIS344-6		4	380 - 415	
NIS345-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước									
A	125								
P	3	4	5	P	3	4	5		
a	130	130	130	g	18	18	18		
b	130	130	130	g.1	2	2	2		
c	124	124	124	h	122	122	122		
d	104	104	104	i	135	135	135		
e	104	104	104	k	48	48	48		
f	6.5	6.5	6.5	l	95	95	95		

Ổ CẮM ÂM LOẠI KÍN NƯỚC DẠNG NGHIÊNG (IP67) FLANGED SOCKET SLOPING (IP67)



VỊ TRÍ CỰC NỔI BẬT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY

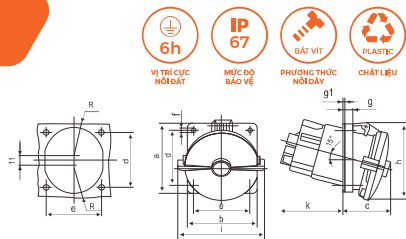
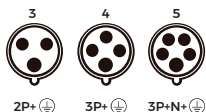


CHẤT LIỆU

Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS4132-6F78	16	3	200 - 250	6 - 25
NIS4142-6F78		4	380 - 415	
NIS4152-6F78	32	5	220/380 - 240/415	25 - 70
NIS4232-6F78		3	200 - 250	
NIS4242-6F78	63	4	380 - 415	6 - 25
NIS4252-6F78		5	220/380 - 240/415	
NIS434-6FC	63	3	200 - 250	6 - 25
NIS435-6FC		4	380 - 415	
NIS435-6FC		5	220/380 - 240/415	

Kích thước									
A	16			32			63		
P	3	4	5	3	4	5	3	4	5
a	73.5	100	100	100	100	100	110	110	110
b	64	92	92	92	92	92	106	106	106
c	52	59	62	64	64	72	85	85	85
d	60	85	85	85	85	85	85	85	85
e	52	77	77	77	77	77	77	77	77
f	5.3	5.3	5.3	5.3	5.3	5.3	6.2	6.2	6.2
g	7	8	8	8	8	8	12	12	12
g1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
h	84	103	105	109	109	113	125	125	125
i	78	85	96	103	103	110	117	117	117
k	41	35	35	54	54	54	69	69	69
l	52	60	65	70	70	73	90	90	90
ll	60	65	72	82	82	86	103	103	103

Ổ CẮM ÂM LOẠI KÍN NƯỚC DẠNG NGHIÊNG (IP67) FLANGED SOCKET SLOPING (IP67)



VỊ TRÍ CỰC NỔI BẬT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY

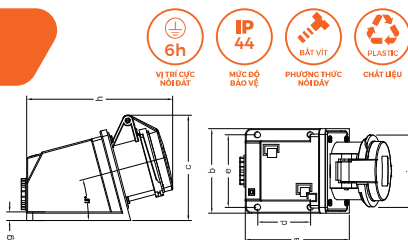
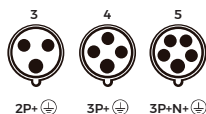


CHẤT LIỆU

Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS443-6	125	3	200 - 250	25 - 70
NIS444-6		4	380 - 415	
NIS445-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước									
A	125								
P	3	4	5	P	3	4	5		
a	114	114	114	g	13	13	13		
b	110	110	110	g1	2	2	2		
c	85	85	85	h	135	135	135		
d	90	90	90	i	135	135	135		
e	90	90	90	k	103	103	103		
f	6.2	6.2	6.2	R	47	47	47		

Ổ CẮM GẮN NỔI LOẠI KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) WALL SOCKET (IP44)



VỊ TRÍ CỰC NỔI BẬT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY



CHẤT LIỆU

Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS113-6	16	3	200 - 250	1.5 - 4
NIS114-6		4	380 - 415	
NIS115-6	32	5	220/380 - 240/415	2.5 - 10
NIS123-6		3	200 - 250	
NIS124-6	63	4	380 - 415	6 - 25
NIS125-6		5	220/380 - 240/415	

Kích thước									
A	16			32			63		
P	3	4	5	3	4	5	3	4	5
a	98.5	98.5	98.5	98.5	98.5	98.5	106	106	106
b	80	80	80	80	80	80	80	80	80
c	97	100	103	107	107	107	110	110	110
d	50	50	50	50	50	50	50	50	50
e	68.5	68.5	68.5	68.5	68.5	68.5	68.5	68.5	68.5
f	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5	5.5
g	8	8	8	8	8	8	8	8	8
h	138	139	140	150	150	150	151	151	151
i	60	68	76	82	82	82	89	89	89

PHÍCH CẮM DÀNH CHO CONTAINER (IP67) PLUG FOR CONTAINER (IP67)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI DẮT



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



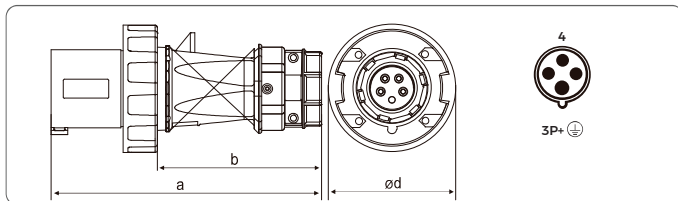
PHƯƠNG THỨC
NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



TIẾP DIỂM
MẠ NHẸN



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIP0242-3V	32	4	380 - 415	2.5 - 10

Kích thước	
A	32
P	4
a	157.5
b	104
d	93

Ổ CẮM DÀNH CHO CONTAINER (IP67) CONNECTOR FOR CONTAINER (IP67)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI DẮT



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



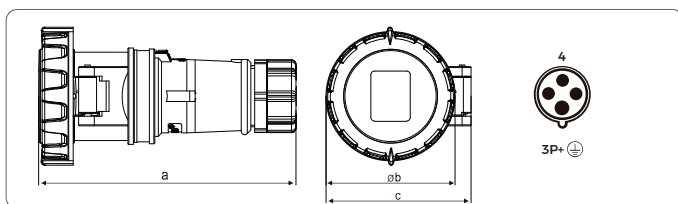
PHƯƠNG THỨC
NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



TIẾP DIỂM
MẠ NHẸN



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS2242-3V	32	4	380 - 415	2.5 - 10

Kích thước	
A	32
P	4
a	170.4
b	93
c	100.5

Ổ CẮM ÂM CHO CONTAINER (IP67) FLANGED SOCKET FOR CONTAINER (IP67)



VỊ TRÍ CỰC
NỔI DẮT



MỨC ĐỘ
BẢO VỆ



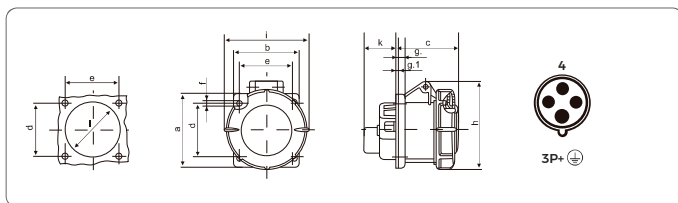
PHƯƠNG THỨC
NỐI DÂY



CHẤT LIỆU



TIẾP DIỂM
MẠ NHẸN



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS3242-3V	32	4	380 - 415	2.5 - 10

Kích thước	
A	32
P	4
a	85
b	75
c	70
d	60
e	60
f	5.5
g	8
g.1	2
h	99
i	103
j	38
k	62

Ổ CẮM NỔ CHO CONTAINER (IP67) WALL SOCKET FOR CONTAINER (IP67)



VỊ TRÍ CỰC NỔI BẬT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY



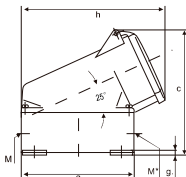
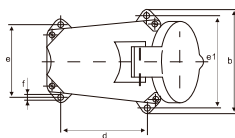
CHẤT LIỆU



TIẾP DIỆM MẠNH KÉN



3P+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS1242-3V	32	4	380 - 415	2.5 - 10

Kích thước	
A	32
P	4
a	120
b	112
c	143
d	90.2
e	79
e1	77.5
f	98.5
g	5.5
h	160
M	32
M*	2XM40

Ổ CẮM CHIA 3 NGÃ KHÔNG KÍN NƯỚC (IP44) MULTIPLE OUTLET SOCKET (IP44)



VỊ TRÍ CỰC NỔI BẬT



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY



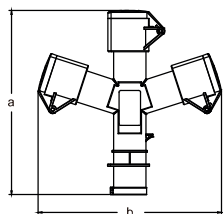
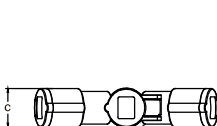
CHẤT LIỆU



TIẾP DIỆM ĐỒNG



2P+ ⊕



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS9432000	16	3	200 - 250	1.5 - 4

Kích thước	
A	16
P	3
a	234
b	237
c	50

Ổ CẮM ÂM CÓ NẮP (IP54) OUTLET SOCKET (IP54)



MỨC ĐỘ BẢO VỆ



PHƯƠNG THỨC NỐI DÂY



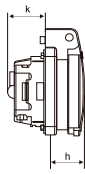
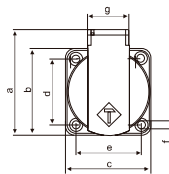
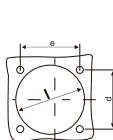
CHẤT LIỆU



TIẾP DIỆM ĐỒNG



2P



Model	Dòng điện định mức (A)	Số cực (P)	Điện áp định mức (V)	Tiết diện dây dẫn (mm ²)
NIS105-0B	16	2	200 - 250	1.5 - 4

Kích thước			
A	16		
a	61	f	4.5
b	50	g	24.2
c	50	h	23
d	38	k	21.7
e	38	l	Ø 44.5